



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT HÀNH
SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC
HƯNG YÊN**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN ngày 22/12/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HST. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 29/12/2009.

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2017: 15.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 601 Nguyễn Văn Linh, Phường An Tào, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (84) 221.3863892
- Fax: (84) 221.3864095
- Email: phs_hy@yahoo.com.vn
- Website: www.sachhungyen.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

Nhân sự

Tổng số cán bộ công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 47 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 13 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|--------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Văn Luận | Chủ tịch | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Phó Chủ tịch | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương | Ủy viên | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đặng Minh Hải | Ủy viên | Trúng cử ngày 17/06/2015 |
| • Ông Đào Anh Sơn | Ủy viên | Trúng cử ngày 17/06/2015 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trịnh Xuân Hiền | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Mai Lan | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2017 |
| • Bà Nguyễn Thị Nga | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2017 |
| • Ông Phạm Văn Nhung | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/06/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/04/2017 |
| • Bà Bùi Thị Thủy | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 17/06/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 14/04/2017 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|-------------------------|----------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Thành Luân | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2015 |
| • Ông Vũ Thế Phương | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015 |
| • Ông Đặng Minh Hải | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/02/2016 |
| • Bà Đinh Thị Bích Dung | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 01/07/2015 |

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 19 tháng 3 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 316/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05/03/2018, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại mục (*) của thuyết minh số 10, ngày 26/03/2017, tại Siêu thị sách Hưng Yên đã xảy ra vụ hỏa hoạn gây thiệt hại 699.214.430 đồng đối với hàng hóa của Công ty. Hiện nay, Công ty đang làm việc với Công ty bảo hiểm để thống nhất giá trị đền bù.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 3 năm 2018

Đỗ Thị Phượng Thủy – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2970-2014-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		18.460.926.816	12.269.145.593
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		850.398.184	1.547.587.517
1. Tiền	111	5	850.398.184	1.547.587.517
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.757.014.357	9.810.730.828
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.964.529.223	6.705.481.445
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	195.148.000	350.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	7.329.539.300	2.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	568.583.404	105.249.383
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	10	699.214.430	-
IV. Hàng tồn kho	140		795.960.775	662.744.739
1. Hàng tồn kho	141	11	795.960.775	662.744.739
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		57.553.500	248.082.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	57.553.500	248.082.509
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		19.684.369.253	18.847.253.788
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	2.599.539.300
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	2.599.539.300
II. Tài sản cố định	220		4.707.399.198	3.850.264.617
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	4.707.399.198	3.850.264.617
- Nguyên giá	222		8.349.268.448	6.766.152.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.641.869.250)	(2.915.888.360)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	14.232.200.182	10.982.427.545
- Nguyên giá	231		17.933.641.038	13.884.100.451
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.701.440.856)	(2.901.672.906)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		606.279.431	1.415.022.326
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	606.279.431	1.415.022.326
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		138.490.442	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	138.490.442	-
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		38.145.296.069	31.116.399.381

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		21.126.731.592	14.433.175.178
I. Nợ ngắn hạn	310		21.126.731.592	14.433.175.178
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	6.724.386.260	2.341.356.743
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	115.412.214	15.922.107
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	206.909.672	375.900.514
4. Phải trả người lao động	314		237.335.700	263.326.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	175.488.434	144.225.700
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	21	408.818.181	248.163.637
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22	137.946.334	2.395.680
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	13.120.000.000	11.040.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		434.797	1.884.797
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		17.018.564.477	16.683.224.203
I. Vốn chủ sở hữu	410		17.018.564.477	16.683.224.203
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	245.864.900	245.864.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	24	21.324.550	21.324.550
4. Cổ phiếu quỹ	415	24	(116.756.000)	(116.756.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	748.570.753	688.485.626
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	1.119.560.274	844.305.127
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.119.560.274	844.305.127
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		38.145.296.069	31.116.399.381



Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

[Handwritten signature]
Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu

[Handwritten signature]
Đinh Thị Bích Dung

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	60.240.719.946	50.032.534.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	1.102.894.180	1.273.906.490
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		59.137.825.766	48.758.628.107
4. Giá vốn hàng bán	11	27	54.307.892.099	44.556.540.032
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>4.829.933.667</u>	<u>4.202.088.075</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	944.491.513	634.755.210
7. Chi phí tài chính	22	29	989.826.320	659.780.600
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		936.835.820	599.919.600
8. Chi phí bán hàng	25	30.a	276.538.841	156.452.249
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30.b	3.008.957.146	2.946.752.453
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>1.499.102.873</u>	<u>1.073.857.983</u>
11. Thu nhập khác	31	31	299.717.003	39.615.998
12. Chi phí khác	32	32	348.471.120	42.622.351
13. Lợi nhuận khác	40		<u>(48.754.117)</u>	<u>(3.006.353)</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>1.450.348.756</u>	<u>1.070.851.630</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	330.788.482	226.546.503
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>1.119.560.274</u>	<u>844.305.127</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	752	540
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	34	752	540

Chủ tịch Hội đồng quản trị
C. TY CỔ PHẦN
PHÁT HÀNH SÁCH
VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG BỒI
HƯNG YÊN
Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Dung

Đinh Thị Bích Dung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		58.138.922.639	47.288.017.229
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(49.925.089.750)	(43.996.542.688)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.731.677.264)	(1.198.626.595)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	20, 29	(905.573.086)	(604.033.322)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	19	(266.546.503)	(196.416.718)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		989.184.746	1.231.097.495
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.128.684.765)	(1.765.410.892)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		4.170.536.017	758.084.509
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,15,16	(4.580.561.163)	(1.387.405.326)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8	(6.000.000.000)	(4.756.474.300)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	8	3.920.000.000	1.456.935.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9, 28	457.055.813	415.243.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.203.505.350)	(4.271.700.709)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	23	28.172.000.000	19.220.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	23	(26.092.000.000)	(14.270.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	24	(744.220.000)	(446.532.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.335.780.000	4.503.468.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(697.189.333)	989.851.800
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	1.547.587.517	557.735.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	850.398.184	1.547.587.517


 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 C. TY CỔ PHẦN
 PHÁT HÀNH SÁCH
 VÀ THIẾT BỊ
 TRƯỜNG HỌC
 HUNG YÊN
 Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Dung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Phát hành sách và Thiết bị trường học Hưng Yên theo Quyết định số 478/QĐ-UB ngày 17/03/2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hưng Yên. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0503000110 ngày 29/07/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã có 4 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 09/07/2015 với mã số doanh nghiệp là 0900106390), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Phát hành sách các loại; giáo dục nghề nghiệp; cho thuê mặt bằng.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng;
- Phát hành sách giáo khoa, sách các loại;
- Kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học, văn hóa phẩm, văn phòng phẩm;
- Tư vấn du học;
- Đầu tư xây dựng trường học;
- Kinh doanh siêu thị;
- Sản xuất các loại thiết bị trường học;
- In ấn các tài liệu, hồ sơ, sổ sách phục vụ ngành giáo dục;
- Mua bán, ký gửi hàng hóa, môi giới thương mại;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn;
- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về các lĩnh vực thư viện, thiết bị trường học, quản trị kinh doanh, tài chính kế toán, tin học, ngoại ngữ;
- Đào tạo nghiệp vụ giám đốc chuyên nghiệp;
- Cho thuê văn phòng, nhà hàng, khách sạn;
- Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa bằng ô tô;
- Kinh doanh tua du lịch.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 20
Phương tiện vận tải	10

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	Hết khấu hao

4.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	7 - 25

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng;

4.9 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.

4.12 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi chiết khấu thanh toán cho người mua và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - ✓ Sách tham khảo không hỗ trợ cho sách giáo khoa, thiết bị văn phòng, từ điển áp dụng mức thuế suất 5%;
 - ✓ Các sản phẩm khác như tem, nhãn, mẫu biểu, một số thiết bị.... áp dụng thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Hoạt động giáo dục – đào tạo của Trường THPT Ngô Quyền: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo. Năm 2010, Công ty bắt đầu có thu nhập chịu thuế từ hoạt động của trường Ngô Quyền, do đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2013 và giảm 50% thuế TNDN từ năm 2014 đến năm 2018.
Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp này được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường và Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN.
 - ✓ Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. Tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	119.170.000	222.448.700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	731.228.184	1.325.138.817
Cộng	850.398.184	1.547.587.517

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	2.860.459.300	3.902.533.755
Bà Nguyễn Thị Lý	410.066.935	390.806.340
Các đối tượng khác	4.694.002.988	2.412.141.350
Cộng	7.964.529.223	6.705.481.445

Trong đó: Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ Giám Đốc	2.860.459.300	3.902.533.755

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP Dinaco	195.148.000	350.000.000
Cộng	195.148.000	350.000.000

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Bà Nguyễn Thị Hà (i)	2.300.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Lưỡng (ii)	2.299.539.300	-
Bà Nguyễn Thị Phương (iii)	1.050.000.000	1.050.000.000
Bà Dương Thị Cúc (iv)	900.000.000	-
Bà Bùi Thị Thanh Nga (v)	780.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	-	1.600.000.000
Cộng	7.329.539.300	2.650.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- (i) Cho bà Nguyễn Thị Hà vay theo hợp đồng số 02/2016/HĐCVV ngày 10/06/2016 và phụ lục hợp đồng số 07/2017/HĐCVV ngày 06/07/2017, hạn mức cho vay là 2.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 10%/năm, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 01/07/2017. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.
- (ii) Cho ông Nguyễn Đình Lương vay theo hợp đồng số 04/2016/HĐCVV ngày 28/10/2016 và phụ lục hợp đồng số 06/2017/HĐCVV ngày 06/07/2017, hạn mức cho vay là 2.500.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 9%/năm, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 01/07/2017. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.
- (iii) Cho bà Nguyễn Thị Phương vay theo hợp đồng số 04/2015/HĐCVV ngày 23/07/2015 và phụ lục hợp đồng số 05/2017/HĐCVV ngày 06/07/2017 hạn mức cho vay là 1.200.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 12%/năm, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 24/07/2017. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.
- (iv) Cho bà Dương Thị Cúc vay theo hợp đồng số 02/2017/HĐCVV ngày 11/07/2017, hạn mức cho vay là 2.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 12%/năm, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 19/07/2017. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.
- (v) Cho bà Bùi Thị Thanh Nga vay theo hợp đồng số 01/2017/HĐCVV ngày 08/05/2017, hạn mức cho vay là 1.700.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 12%/năm, thời hạn cho vay là 6 tháng kể từ ngày 08/05/2017. Nếu hết thời hạn cho vay, Công ty không có nhu cầu rút vốn coi như hợp đồng được tiếp tục thực hiện giữa 2 bên.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	265.128.641	-	-	-
Lãi cho vay phải thu	267.300.148	-	44.993.089	-
Phải thu khác	36.154.615	-	60.256.294	-
Cộng	568.583.404	-	105.249.383	-

Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vợ Giám Đốc	265.128.641	-

10. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
	Hàng hóa tồn thất do hòa hoãn	699.214.430
Cộng	699.214.430	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Vào khoảng 1 giờ 30 phút sáng ngày 26/03/2017, tại Siêu thị sách Hưng Yên đã xảy ra vụ hỏa hoạn, gây thiệt hại về tài sản của công ty, tổng giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng là 699.214.430 đồng (đã được giảm giá trị hàng tồn kho và theo dõi ở khoản mục "Tài sản thiếu chờ xử lý"). Số hàng tồn kho này Công ty đã mua bảo hiểm tại Công ty Bảo hiểm MIC Hải Hưng – Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội, hiện tại Công ty vẫn đang làm việc với Cơ quan Bảo hiểm để thống nhất giá trị đền bù.

11. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	795.960.775	-	662.744.739	-
Cộng	795.960.775	-	662.744.739	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất, chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2017.

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí sửa chữa TSCĐ	-	23.773.200
Chi phí công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	57.553.500	224.309.309
Cộng	57.553.500	248.082.509

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	48.915.995	-
Chi phí sửa chữa TSCĐ	89.574.447	-
Cộng	138.490.442	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	6.143.590.291	622.562.686	6.766.152.977
Tăng trong kỳ	1.583.115.471	-	1.583.115.471
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối kỳ	7.726.705.762	622.562.686	8.349.268.448
Khấu hao			
Số đầu kỳ	2.477.330.315	438.558.045	2.915.888.360
Khấu hao trong kỳ	679.000.980	46.979.910	725.980.890
T/lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số cuối kỳ	3.156.331.295	485.537.955	3.641.869.250
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	3.666.259.976	184.004.641	3.850.264.617
Số cuối kỳ	4.570.374.467	137.024.731	4.707.399.198

- Giá trị còn lại của TSCĐ đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 2.043.262.783 đồng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 152.763.595 đồng.

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	40.000.000	40.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	40.000.000	40.000.000
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	-	-

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 40.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	13.884.100.451	13.884.100.451
Tăng trong kỳ	4.049.540.587	4.049.540.587
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	17.933.641.038	17.933.641.038
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	2.901.672.906	2.901.672.906
Khấu hao trong kỳ	799.767.950	799.767.950
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	3.701.440.856	3.701.440.856
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	10.982.427.545	10.982.427.545
Số cuối kỳ	14.232.200.182	14.232.200.182

- Giá trị còn lại của BĐSĐT đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2017 là 8.586.537.791 đồng
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 425.507.388 đồng.

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
Xây dựng cơ bản	606.279.431	1.415.022.326
- Cải tạo nâng cấp siêu thị sách Hưng Yên	498.337.297	498.337.297
- HSND Kim Động	107.942.134	-
- Nhà làm việc, văn phòng	-	906.685.029
- Nhà đa năng Trường THPT Ngô Quyền	-	10.000.000
Cộng	606.279.431	1.415.022.326

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	3.998.851.978	926.471.538
Các đối tượng khác	2.725.534.282	1.414.885.205
Cộng	6.724.386.260	2.341.356.743

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Ông Đăng PGD Kim Động	18.957.660	-
Bà Đàm Thị P.Hoa - PGD Văn Giang	42.230.342	-
Các đối tượng khác	54.224.212	15.922.107
Cộng	115.412.214	15.922.107

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	113.953.989	858.153.597	885.986.396	86.121.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp	261.946.525	125.388.460	266.546.503	120.788.482
Thuế thu nhập cá nhân	-	48.736.170	48.736.170	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	211.609.570	211.609.570	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	375.900.514	1.247.887.797	1.416.878.639	206.909.672

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Lãi vay phải trả	175.488.434	144.225.700
Cộng	175.488.434	144.225.700

21. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Doanh thu cho thuê mặt bằng	408.818.181	248.163.637
Cộng	408.818.181	248.163.637

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Phải trả khác ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Bà Nguyễn Thị Phượng	41.500.000	-
Ban quản lý dự án HSND Ngô Quyền	30.000.000	-
Ban quản lý dự án Nhà đa năng Ngô Quyền	61.500.000	-
Phải trả khác	4.946.334	2.395.680
Cộng	137.946.334	2.395.680

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	11.040.000.000	28.172.000.000	26.092.000.000	13.120.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương CN Hưng Yên	7.700.000.000	21.700.000.000	22.700.000.000	6.700.000.000
- Vay cá nhân	3.340.000.000	2.072.000.000	1.192.000.000	4.220.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam CN Hưng Yên	-	4.400.000.000	2.200.000.000	2.200.000.000
Cộng	11.040.000.000	28.172.000.000	26.092.000.000	13.120.000.000

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2016	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	619.613.753	550.403.873
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	68.871.873	844.305.127
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	550.403.873
Số dư tại 31/12/2016	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	688.485.626	844.305.127
Số dư tại 01/01/2017	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	688.485.626	844.305.127
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	60.085.127	1.119.560.274
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	844.305.127
Số dư tại 31/12/2017	15.000.000.000	245.864.900	21.324.550	(116.756.000)	748.570.753	1.119.560.274

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2017	Năm 2016
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	15.000.000.000	15.000.000.000
Cổ tức đã chia	744.220.000	446.532.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	11.560	11.560
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.560	11.560
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.488.440	1.488.440
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.488.440	1.488.440
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	844.305.127	550.403.873
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.119.560.274	844.305.127
Phân phối lợi nhuận	844.305.127	550.403.873
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	844.305.127	550.403.873
+ <i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	60.085.127	68.871.873
+ <i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	40.000.000	35.000.000
+ <i>Trả cổ tức bằng tiền</i>	744.220.000	446.532.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	1.119.560.274	844.305.127

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 14/04/2017.

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14/04/2017 đã thông qua phương án chi trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2016 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (tương ứng 744.220.000 đồng). Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
- Doanh thu bán hàng hóa	56.884.210.158	47.065.733.688
+ <i>Doanh thu bán sách giáo khoa</i>	27.571.019.330	23.264.873.669
+ <i>Doanh thu bán sách bài tập</i>	13.828.076.173	13.112.178.845
+ <i>Doanh thu bán sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác</i>	15.485.114.655	10.688.681.174
- Doanh thu cho thuê mặt bằng	2.063.071.788	1.776.190.909
- Doanh thu dịch vụ trường THPT Ngô Quyền	1.293.438.000	1.190.610.000
Cộng	60.240.719.946	50.032.534.597

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Chiết khấu thương mại	632.327.467	807.769.700
Giảm giá hàng bán	369.600	481.584
Hàng bán bị trả lại	470.197.113	465.655.206
Cộng	1.102.894.180	1.273.906.490

27. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
- Giá vốn hàng hóa đã bán	51.722.649.850	42.224.592.774
+ <i>Sách giáo khoa</i>	25.393.688.874	21.265.789.474
+ <i>Sách bài tập</i>	12.536.594.795	11.411.632.060
+ <i>Sách tham khảo, ấn phẩm, thiết bị, khác</i>	13.792.366.181	9.547.171.240
- Giá vốn dịch vụ cho thuê mặt bằng	1.090.421.124	926.542.060
- Giá vốn dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	1.494.821.125	1.405.405.198
Cộng	54.307.892.099	44.556.540.032

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	679.362.872	419.335.386
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	265.128.641	206.679.704
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	8.740.120
Cộng	944.491.513	634.755.210

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lãi vay	936.835.820	599.919.600
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	52.990.500	59.861.000
Cộng	989.826.320	659.780.600

30. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	56.347.375	50.094.000
Chi phí hội nghị	95.823.000	48.393.900
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.780.038	-
Các khoản khác	26.588.428	57.964.349
Cộng	276.538.841	156.452.249

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân công	1.473.882.534	1.352.662.280
Thu lao HĐQT, BKS	103.200.000	103.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	178.906.200	144.759.948
Các khoản khác	1.252.968.412	1.346.130.225
Cộng	3.008.957.146	2.946.752.453

31. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Xử lý hàng thừa kiểm kê	94.278.548	39.615.998
Thu nhập khác	205.438.455	-
Cộng	299.717.003	39.615.998

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Phạt chậm nộp thuế	151.229.652	-
Xử lý hàng thiếu kiểm kê	170.211.352	42.269.731
Chi phí khác	27.030.116	352.620
Cộng	348.471.120	42.622.351

33. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.450.348.756	1.070.851.630
- Lợi nhuận từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	1.651.731.881	1.285.646.828
- Lợi nhuận từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	(201.383.125)	(214.795.198)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	203.593.652	61.880.885
- Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ + thù lao HĐQT không tham gia điều hành)	203.593.652	61.880.885
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.653.942.408	1.132.732.515
- Thu nhập từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và hoạt động khác	1.855.325.533	1.347.527.713
- Thu nhập từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	(201.383.125)	(214.795.198)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	330.788.482	226.546.503
- Thuế TNDN từ HĐKD, DV cho thuê TSCĐ và HĐ động khác	330.788.482	226.546.503
- Thuế TNDN từ HĐ dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	330.788.482	226.546.503
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	330.788.482	226.546.503
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

34. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.119.560.274	844.305.127
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(40.000.000)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	40.000.000
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.119.560.274	804.305.127
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.488.440	1.488.440
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	752	540

(*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu của năm 2017 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi. Kế hoạch Đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được cuối năm, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

phúc lợi cụ thể. Do đó, số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào phê duyệt mức trích quỹ của Đại hội đồng Cổ Đông

35. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân công	2.148.468.972	1.808.889.200
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.525.748.840	1.412.062.084
Chi phí dịch vụ mua ngoài	411.171.559	357.279.825
Chi phí khác bằng tiền	1.785.348.865	1.874.994.471
Cộng	5.870.738.236	5.453.225.580

36. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá rằng, Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là kinh doanh sách, thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

37. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng chủ yếu từ các Công ty thuộc hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, trong đó mặt hàng chủ yếu là sách giáo khoa và sách tham khảo; Đây là các mặt hàng có giá bìa ổn định ít biến động. Tuy nhiên công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi tỷ lệ chiết khấu trên giá bìa. Chính sách chiết khấu sẽ thay đổi theo thời hạn thanh toán, theo hình thức mua trả tiền mặt hay mua nợ. Để có được tỷ lệ chiết khấu cao, Công ty có chính sách thu hồi công nợ và huy động nguồn vốn vay để tối đa hóa lợi ích từ chiết khấu được hưởng.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Phòng Giáo dục, trường học và nhà sách trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Đây là các khách hàng truyền thống, có phát sinh giao dịch thường xuyên, thời hạn thanh toán kịp thời. Do đó, Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro về tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.724.386.260	-	6.724.386.260
Chi phí phải trả	175.488.434	-	175.488.434
Vay và nợ thuê tài chính	13.120.000.000	-	13.120.000.000
Phải trả khác	137.946.334	-	137.946.334
Cộng	20.157.821.028	-	20.157.821.028

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.341.356.743	-	2.341.356.743
Chi phí phải trả	144.225.700	-	144.225.700
Vay và nợ thuê tài chính	11.040.000.000	-	11.040.000.000
Phải trả khác	2.395.680	-	2.395.680
Cộng	13.527.978.123	-	13.527.978.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chủ tịch HĐQT và Ban Giám đốc đánh giá rằng Công ty hiện đang có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	850.398.184	-	850.398.184
Phải thu khách hàng	7.964.529.223	-	7.964.529.223
Phải thu về cho vay	7.329.539.300	-	7.329.539.300
Phải thu khác	568.583.404	-	568.583.404
Cộng	16.713.050.111	-	16.713.050.111

01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.547.587.517	-	1.547.587.517
Phải thu khách hàng	6.705.481.445	-	6.705.481.445
Phải thu về cho vay	2.650.000.000	2.599.539.300	5.249.539.300
Phải thu khác	105.249.383	-	105.249.383
Cộng	11.008.318.345	2.599.539.300	13.607.857.645

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

39. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Chung Giám đốc công ty Vợ Giám Đốc

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2017	Năm 2016
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Hào Phong	Cho thuê mặt bằng	252.000.000	240.000.000
	Cho vay	-	1.600.000.000
	Thu tiền lãi vay	87.095.300	144.336.320
	Thu hồi tiền cho vay	1.600.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Mua hàng	3.528.432.042	294.730.690
	Mua hàng	2.030.917.732	4.409.003.851
	Lãi chậm thanh toán phải thu	265.128.641	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017	Năm 2016
Lương Ban Giám đốc	428.412.800	301.673.440
Thù lao Hội đồng quản trị	63.600.000	63.600.000

40. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi AAC.



Nguyễn Văn Luận

Hưng Yên, ngày 05 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Đinh Thị Bích Dung

Người lập biểu

Đinh Thị Bích Dung

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CP. PHS – TBTH HUNG YÊN
Số: 40/CV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 28 tháng 03 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty CP Phát hành Sách & TBTH Hưng Yên
2. Mã chứng khoán: HST
3. Địa chỉ trụ sở chính: 601, Nguyễn Văn Linh, P. An Tảo, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên
4. Điện thoại: 0221.3865461. Fax: 0221.3864095
5. Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Luận
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty CP Phát hành Sách & TBTH Hưng Yên được lập ngày 05 tháng 03 năm 2018 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCIT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so Báo cáo tài chính năm 2016 như sau:
 - Doanh thu bán hàng và CCDV tăng so với năm 2016 (tăng 20%) so với cùng kỳ năm trước. Tăng từ doanh thu nhóm sách giáo khoa tăng 18%, sách bổ trợ 5%, sách tham khảo và các mặt hàng khác 44%; doanh thu cho thuê mặt bằng tăng 16%; doanh thu dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền tăng 8%. Giảm trừ doanh thu giảm 15% so với cùng kỳ năm trước.
 - Cùng với tăng của doanh thu, giá vốn hàng hoá tăng 21% so với năm trước, trong đó giá vốn từ cung cấp hàng hóa tăng 22%, giá vốn cho thuê mặt bằng tăng 17%, giá vốn dịch vụ Trường THPT Ngô Quyền tăng 6% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV tăng 15% so cùng kỳ năm trước
 - Doanh thu tài chính đạt 944 triệu đồng tăng 48% so cùng kỳ năm trước do gia tăng khoản đầu tư ngắn (cho vay); khoản phạt chậm thanh toán theo hợp đồng kinh tế 265 triệu. Chi phí tài chính tăng 50% so với cùng kỳ năm 2017 do chi phí lãi vay phải trả ngân hàng tăng (giải ngân tối đa theo Hợp đồng tín dụng).
 - Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 5% so với cùng kỳ năm 2016 do tăng chi phí lương, chi phí sửa chữa TSCĐ; đầu tư mua sắm CCDC; chi phí dịch vụ mua ngoài, ...
 - Thu nhập khác tăng 666% so với cùng kỳ chủ yếu do phát sinh khoản chênh lệch thuế TNDN (tồn tại từ nhiều năm trước). Chi phí khác tăng 728% chủ yếu do phát sinh khoản phạt chậm nộp thuế, thanh lý hàng hóa hư hỏng, lạc hậu nội dung. Lợi nhuận khác đạt âm 48 triệu.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 1,45 tỷ; Thuế TNDN đạt 330 triệu tăng 46%; LN sau thuế đạt 1,119 triệu tăng 33% so với cùng kỳ năm 2016.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.sachhungyen.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CÔNG TY CP. PHS – TBTH HUNG YÊN
Số: 41/CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hung Yên, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Phát hành Sách & TBTH Hung Yên được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1021/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 22/12/2009 với mã chứng khoán HST.

Thực hiện Mục 4, Điều 11 tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính, Công ty CP Phát hành Sách & TBTH Hung Yên xin giải trình chênh lệch số liệu tại Báo cáo tài chính Quý 4/2017 so với Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán như sau:

1. Chỉ tiêu 17, 18 “lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu” tại Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 4/2017 so với Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2017 là 567đ chênh lệch tăng 27đ do Báo cáo tài chính năm chỉ tiêu này đã được trình bày lại (đã tính trừ phân bổ các quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2017).
2. Tại Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Quý 4/2017, chỉ tiêu “tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ” chênh lệch sang chỉ tiêu “tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh” số tiền 572.696.300đ so với Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ năm 2017 do điều chỉnh khoản trả thay Công ty CP Đầu tư và PTGD Hà Nội với số tiền như trên.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN VĂN LUẬN